

**A. Phạm vi kiến thức ôn tập****1. Số và phép tính:**

- Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100 000.
- Làm tròn đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn.
- Chữ số La Mã.
- Phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 000.

**2. Đo lường:**

- Lít, mi-li-lít, ki-lô-gam, gam.
- Ki-lô-mét, mét, đề-xi-mét, xăng-ti-mét, mi-li-mét, xăng-ti-mét vuông.
- Xem đồng hồ, xem lịch. Tháng - năm. Tiền Việt Nam.

**3. Thống kê và xác suất:**

- Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu. Bảng số liệu.
- Khả năng xảy ra của một sự kiện.

**4. Hình học:**

- Chu vi hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật và hình vuông.
- Diện tích hình chữ nhật và hình vuông.

**5. Bài toán có lời văn:**

- Bài toán giải bằng hai bước tính.

**B. Bài tập****I. Phần trắc nghiệm**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

**Câu 1. Số gồm 2 chục nghìn, 9 chục và 9 đơn vị được viết là:**

- A. 299                      B. 2 099                      C. 20 099                      D. 20 990

**Câu 2. Số “Tám mươi tư nghìn chín trăm linh hai” viết là:**

- A. 8 492                      B. 84 902                      C. 80 492                      D. 84 092

**Câu 3. Số liền sau của số 99 999 là:**

- A. 99 000                      B. 99 990                      C. 99 900                      D. 100 000

**Câu 4. Trong các số sau, số nhỏ nhất là:**

- A. 23 654                      B. 50 005                      C. 19 988                      D. 20 432

**Câu 5. Số có chữ số hàng nghìn bằng 8 là:**

- A. 84 367                      B. 68 719                      C. 56 820                      D. 14 283

**Câu 6. Số 19 được viết bằng chữ số La Mã là:**

- A. XIX                      B. XIV                      C. IX                      D. XVII

**Câu 7. Làm tròn số 56 485 đến hàng chục nghìn ta được:**

- A. 56 000                      B. 60 000                      C. 56 500                      D. 56 490

**Câu 8. Chữ số? 71 708 > 7 ? 930**

- A. 0                      B. 1                      C. 2                      D. 3

**Câu 9. Số? 7 806 + 1 719 = ? × 5**

- A. 1 703                      B. 1 903                      C. 1 905                      D. 1 705

**Câu 10. Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:**

- A. 22 153 – 7 038                      B. 8 259 + 7 716  
C. 3 105 × 6                      D. 34 188 : 2

**Câu 11. Phép chia 65 489 : 6 có số dư là:**

- A. 2                      B. 3                      C. 4                      D. 5

**Câu 12. Tổng của số nhỏ nhất có 5 chữ số và 1 000 là:**

- A. 20 000                      B. 11 000                      C. 10 000                      D. 12 000

**Câu 13. Số? ? : 7 = 11 408**

- A. 79 856                      B. 79 859                      C. 79 853                      D. 79 850

**Câu 14. Trong các dãy số dưới đây, dãy số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:**

- A. 2 314; 3 287; 3 054; 5 009                      B. 2 314; 3 054; 3 287; 5 009  
C. 5 009; 3 287; 3 054; 2 314                      D. 5 009; 3 054; 2 314; 3 287

**Câu 15. Hiệu của số lớn nhất có 5 chữ số khác nhau và số nhỏ nhất có 5 chữ số là:**

- A. 89 999                      B. 87 765                      C. 89 765                      D. 88 765

**Câu 16. Trong hộp có 6 quả cam, 3 quả lê và 1 quả táo. An không nhìn vào hộp và lấy ra 5 quả. Vậy An chắc chắn lấy được ít nhất là:**

- A. 1 quả cam                      B. 2 quả lê                      C. 1 quả táo                      D. 3 quả cam

**Câu 17. Khả năng nào sau đây không thể xảy ra khi gieo một con xúc xắc 6 mặt được đánh số từ 1 đến 6?**

- A. Mặt số 2 xuất hiện                      B. Mặt số 3 xuất hiện  
C. Mặt số 8 xuất hiện                      D. Mặt số 6 xuất hiện

**Câu 18. Số? 30 m = ? mm**

- A. 3                      B. 300                      C. 3 000                      D. 30 00

**Câu 20. Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?**

- A. 22 giờ 40 phút  
B. 23 giờ 20 phút



C. 10 giờ 40 phút

D. 22 giờ 45 phút

**Câu 19. Bố Phương đi công tác từ ngày 29 tháng 8 đến hết ngày 4 tháng 9 cùng năm. Thời gian bố Phương đi công tác là:**

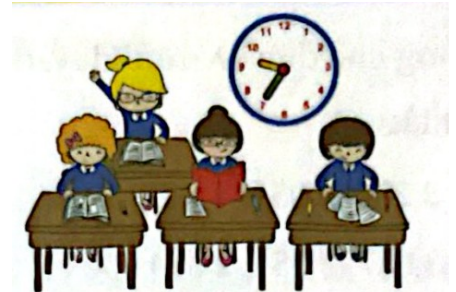
A. 4 ngày

B. 8 ngày

C. 6 ngày

D. 1 tuần

**Câu 21. Hôm nay lớp 3A có bài kiểm tra 15 phút môn Toán. Khi cả lớp bắt đầu làm bài, đồng hồ chỉ như hình bên. Vậy cả lớp sẽ nộp bài kiểm tra vào lúc:**



A. 9 giờ 40 phút

B. 10 giờ 10 phút

C. 9 giờ 55 phút

D. 9 giờ 50 phút

**Câu 22. Nếu ngày 29 tháng 10 là thứ Bảy thì ngày 1 tháng 11 cùng năm đó là thứ mấy?**

A. Thứ Hai

B. Thứ Ba

C. Thứ Tư

D. Thứ Năm

**Câu 23. Hôm nay cửa hàng nhà cô Hiền bán được 4 chai mật ong, mỗi chai chứa 1 500 ml mật ong. Vậy số mật ong hôm nay của cửa hàng nhà cô Hiền bán được là:**

A. 6 l

B. 4 000 ml

C. 2 500 ml

D. 3 l

**Câu 24. Một đoàn tàu chở hàng gồm 9 toa tàu, mỗi toa tàu chở 10 810 kg hàng hóa. Vậy khối lượng hàng hóa đoàn tàu đó chở là:**

A. 19 810 kg

B. 90 290 kg

C. 97 290 kg

D. 10 801 kg

**Câu 25. Diện tích của hình chữ nhật có chiều dài 14 cm và chiều rộng 9 cm là:**

A. 46 cm

B. 126 cm<sup>2</sup>

C. 46 cm<sup>2</sup>

D. 126 cm

**Câu 26. Một hình vuông có chu vi bằng 36 cm. Vậy diện tích của hình vuông đó là:**

A. 81 cm<sup>2</sup>

B. 63 cm<sup>2</sup>

C. 64 cm<sup>2</sup>

D. 72 cm<sup>2</sup>

**Câu 27. Hình tròn tâm O có bán kính bằng 50 mm. Chu vi của hình vuông ABCD là:**

A. 1 000 m

B. 20 dm

C. 4 m

D. 40 cm

**Câu 28. Một hình chữ nhật có chiều dài bằng 8 cm, chu vi bằng 28 cm. Diện tích của hình chữ nhật đó là:**

A. 36 cm<sup>2</sup>

B. 40 cm<sup>2</sup>

C. 48 cm<sup>2</sup>

D. 56 cm<sup>2</sup>

**Câu 29. Lần đầu, người ta chuyển 8 250 kg thóc vào kho. Lần sau chuyển được số thóc gấp đôi lần đầu. Vậy người ta chuyển tất cả số ki-lô-gam thóc vào kho là:**

A. 24 750 kg

B. 61 500 kg

C. 16 500 kg

D. 42 750 kg

**Câu 30. Một hình vuông có diện tích bằng 64 cm<sup>2</sup>. Vậy chu vi của hình vuông đó là:**

A. 32 cm

B. 8 cm

C. 16 cm

D. 28 cm

**Câu 31.** Hoa bắt đầu tập thể dục lúc 15 giờ 5 phút và tập trong 45 phút. Vậy Hoa tập thể dục xong lúc:

- A. 16 giờ 45 phút      B. 16 giờ 35 phút      C. 17 giờ 35 phút      D. 15 giờ 50 phút

**Câu 32.** Nếu tăng chiều dài và chiều rộng của một hình chữ nhật thêm 5 cm thì chu vi của hình chữ nhật đó tăng thêm là:

- A. 5 cm      B. 10 cm      C. 15 cm      D. 20 cm

**Câu 33.** Hà đi từ nhà lúc 6 giờ 25 phút và đến trường lúc 6 giờ 50 phút. Thời gian Hà đi từ nhà đến trường là:

- A. 15 phút      B. 20 phút      C. 25 phút      D. 30 phút

**Câu 34.** Một chú chuột túi khi mới sinh ra chỉ nặng 1 g nhưng khi trưởng thành nặng đến 90 kg. Vậy chuột túi trưởng thành nặng gấp chuột túi lúc mới sinh số lần là:

- A. 90 lần      B. 900 lần      C. 9 000 lần      D. 90 000 lần

**Câu 35.** Hà mua 4 chiếc bút mực và đưa cho cô bán hàng tờ 100 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Hà 40 000 đồng. Vậy mỗi chiếc bút mực Hà mua có giá là:

- A. 18 000 đồng      B. 16 000 đồng      C. 15 000 đồng      D. 20 000 đồng

**Câu 36.** Một cửa hàng bán gạo có 15 000 kg gạo. Sau khi nhập thêm thì số gạo trong cửa hàng gấp lên 4 lần. Vậy số gạo cửa hàng đó đã nhập về là:

- A. 60 000 kg      B. 75 000 kg      C. 45 000 kg      D. 55 000 kg

**Câu 37.** Nếu giảm độ dài cạnh của hình vuông đi 2 lần thì chu vi của hình vuông đó giảm đi số lần là:

- A. 2 lần      B. 3 lần      C. 4 lần      D. 5 lần

**Câu 38.** Các quả xoài có cân nặng bằng nhau. Biết quả dưa cân nặng 1 800 g. Mỗi quả xoài cân nặng là:

- A. 200 g      B. 300 g      C. 600 g      D. 400 g

**Câu 39.** Gần nhà chị Mai có một hồ nước hình chữ nhật dài 265 m và rộng 235 m.

Chiều nay, chị Mai đặt mục tiêu chạy 4 km quanh hồ. Để đạt được mục tiêu, chị Mai cần chạy số vòng hồ là:

- A. 1 vòng      B. 3 vòng      C. 2 vòng      D. 4 vòng

**Câu 40.** Một trang trại trồng mía, buổi sáng thu hoạch được 2 400 kg mía, buổi chiều thu hoạch được gấp 3 lần buổi sáng. Vậy cả hai buổi, trang trại đó thu hoạch được số ki-lô-gam mía là:

- A. 9 600 kg mía      B. 7 200 kg mía      C. 6 200 kg mía      D. 8 600 kg mía

## II. Phần tự luận

### 1. Số và phép tính.

**Bài 1. Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).**

| Viết số | Đọc số                                   |
|---------|------------------------------------------|
| 92 342  | Chín mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi hai |
|         | Mười hai nghìn hai trăm ba mươi bảy      |
| 73 685  |                                          |
|         | Bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi     |
| 84 367  |                                          |

**Bài 2. Viết các số sau thành tổng (theo mẫu).**

**Mẫu:**  $41\ 892 = 40\ 000 + 1\ 000 + 800 + 90 + 2$

$2\ 873 =$

.....  
 .....

$8\ 728 =$

.....  
 .....

$33\ 419 =$

.....  
 .....

$99\ 886 =$

.....  
 .....

**Bài 3. Tính nhẩm.**

a.  $30\ 000 + 50\ 000 =$  .....

b.  $30\ 000 \times 3 =$

.....

c.  $65\ 000 - 45\ 000 =$  .....

d.  $28\ 000 : 2 =$  .....

e.  $46\ 000 + 4\ 000 =$  .....

g.  $5\ 000 \times 8 =$

.....

h.  $47\ 000 - 7\ 000 =$  .....

i.  $30\ 000 : 6 =$

.....

**Bài 4. Đặt tính rồi tính.**

$3\ 168 + 523$

$45\ 246 + 3\ 252$

$76\ 324 - 65\ 116$

$89\ 719 - 18\ 712$

$3\ 445 \times 6$

$95\ 103 : 9$

$62\ 550 : 6$

$12\ 434 \times 4$

**Bài 5. Số?**

a. .... + 252 = 6 326

b. .... - 5 541 = 1 494

c. ....  $\times 9 = 81\,279$

d. ....  $: 7 = 2\,103$

**Bài 6. Sắp xếp các dãy số sau theo thứ tự:**

a. Từ lớn đến bé: 6 524; 5 734; 15 384; 51 231; 34 516

.....  
.....

b. Từ bé đến lớn: 12 342; 38 289; 9 299; 33 013; 2 888

.....

**Bài 7. Điền vào chỗ trống cho thích hợp.**

a. Số liền trước của số 99 000 là .....

b. Chữ số 9 trong số 49 704 có giá trị là .....

c. Số lớn nhất trong dãy số 7 763; 18 562; 11 753; 22 281; 9 764 là

.....

d. Làm tròn số 78 982 đến hàng nghìn ta được .....

e. Trong số 52 847, giá trị của chữ số 5 hơn ..... đơn vị giá trị của chữ số 4.

**Bài 8. Điền vào chỗ trống cho thích hợp.**

a. Số lớn nhất có 5 chữ số khác nhau là .....

b. Số nhỏ nhất có 5 chữ số khác nhau là .....

c. Số liền sau của số nhỏ nhất có 5 chữ số là .....

d. Số liền trước của số lớn nhất có 5 chữ số là .....

e. Các số XII, V, IX, VII, II sắp xếp theo thứ tự tăng dần là .....

**Bài 9. Tính giá trị của biểu thức.**

$$(7\,550 - 450) \times 6$$

$$34\,352 + 6\,314 \times 5$$

$$35\,469 : 3 + 50\,903$$

$$76\,034 - 62\,440 : 4$$

**2. Đo lường.****Bài 10. Hoàn thành bảng sau (theo mẫu):**

| Đọc                                      | Viết                  |
|------------------------------------------|-----------------------|
| Năm mươi bảy xăng-ti-mét vuông           | 57 cm <sup>2</sup>    |
| Một trăm hai mươi xăng-ti-mét vuông      |                       |
|                                          | 3 450 cm <sup>2</sup> |
| Bốn mươi nghìn ba trăm xăng-ti-mét vuông |                       |

**Bài 11. Số?**

a. 14 m = .....dm

b. 45 000 ml = .....l

c. 54 m = ..... mm

d. 80 000 cm = .....m

e. 91 000 g = .....kg

g. 75 000 mm = .....dm

**Bài 12. Điền vào chỗ trống cho thích hợp.**

a. 350 g + 920 g = .....

b. 1 155 ml  $\times$  8 = .....

c. 44 497 m – 3 456 m = .....

d. 33 669 kg : 3 = .....

e. 30 592 l – 12 128 l = .....

g. 3 210 mm  $\times$  5 = .....**Bài 13. > ; < ; = ?**a. 21 560 mm  $\times$  5 .....10 m

b. 8 550 g + 1 450 g ..... 90 kg : 9

c. 2 156 cm – 246 cm .....20 m

d. 8 420 g + 2 940 g ..... 6 kg  $\times$  2**Bài 14. Tính.**a. 24 cm<sup>2</sup> + 35 cm<sup>2</sup> = .....b. 45 cm<sup>2</sup>  $\times$  4 = .....c. 145 cm<sup>2</sup> – 34 cm<sup>2</sup> = .....d. 441 cm<sup>2</sup> : 7 = .....**Bài 15. Số?**

a. Sau khi ăn tối, Tú đi ăn sinh nhật bạn. Khi Tú ra khỏi nhà, đồng hồ như hình bên .

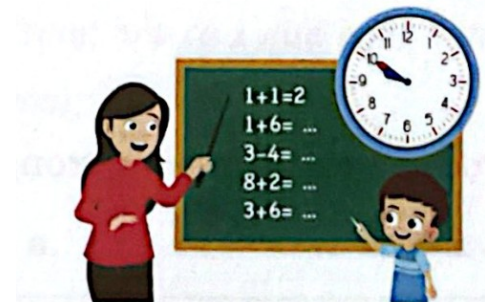
Tú ra khỏi nhà lúc .....giờ .....phút.



chỉ

b. Tiết học Toán bắt đầu lúc 9 giờ 5 phút. Khi tiết học kết thúc, Nhung thấy đồng hồ chỉ như hình bên.

Tiết học Toán đã kéo dài .....phút.



c. Trước khi đi ngủ, An được mẹ cho phép xem ti vi 30 phút. Khi An tắt ti vi, đồng hồ chỉ như hình bên.

Vậy An bắt đầu xem phim lúc .....giờ..... phút.

**Bài 16. Điền vào chỗ trống cho thích hợp.**

a. Trong năm, những tháng có 31 ngày là:.....

b. Nếu ngày 2 tháng 5 là Chủ nhật thì thứ Sáu tuần tiếp theo là ngày ..... tháng .....

c. Hiền về quê ở với ông bà từ ngày 26 tháng 6 đến hết ngày 2 tháng 7 cùng năm. Thời gian Hiền về quê ở với ông bà là ..... ngày.

**Bài 17. Điền vào chỗ trống cho thích hợp.**

a. Vy mua một quyển vở có giá 35 000 đồng. Vy đưa bác bán hàng một tờ tiền và được bác bán hàng trả lại 15 000 đồng. Vậy Vy đã đưa bác bán hàng tờ tiền mệnh giá ..... đồng.

b. Hoa mua một chiếc kẹo mút và đưa bác bán hàng 1 tờ 1 000 đồng và 1 tờ 2 000 đồng là đủ. Sau đó Hoa mua thêm 1 gói bim bim có giá gấp đôi giá kẹo mút. Vậy Hoa cần trả bác bán hàng thêm số tiền là ..... đồng.

### 3. Thống kê và xác suất.

**Bài 18. Dưới đây là bảng thống kê số gạo bán được của một cửa hàng trong 4 ngày.**

|              |    |    |    |    |
|--------------|----|----|----|----|
| Ngày:        | 1  | 2  | 3  | 4  |
| Số gạo (kg): | 55 | 54 | 45 | 63 |

Điền vào chỗ trống cho thích hợp.

- Cửa hàng bán được nhiều gạo nhất vào ngày .....
- Cửa hàng bán được ít gạo nhất vào ngày .....
- Ngày thứ 2 cửa hàng bán được số gạo nhiều hơn ngày thứ 3 là ..... kg gạo.

**Bài 19. Dưới đây là bảng thống kê số truyện bán được của một cửa hàng bán sách thiếu nhi trong ngày hôm qua.**

|                   |              |                |             |                 |
|-------------------|--------------|----------------|-------------|-----------------|
| Loại truyện:      | Truyện tranh | Truyện cổ tích | Truyện ngắn | Truyện ngụ ngôn |
| Số lượng (quyển): | 21           | 26             | 14          | 17              |

Điền vào chỗ trống cho thích hợp.

- Hôm qua, cửa hàng đã bán được ..... loại truyện. Những loại truyện đó là .....
- Loại truyện cửa hàng bán được nhiều nhất là .....
- Hôm qua cửa hàng đã bán được tất cả ..... quyển truyện.

**Bài 20. Điền vào chỗ trống “có thể, không thể” hoặc “chắc chắn”.**

Trong hộp có 1 quả bóng vàng và 1 quả bóng đỏ. Không nhìn vào hộp lấy ra 1 quả bóng:

- ..... lấy được quả bóng đỏ.
- ..... lấy được quả bóng vàng.
- ..... lấy được quả bóng hồng.

**Bài 21. Điền vào chỗ trống “có thể, không thể” hoặc “chắc chắn”.**

Trên đĩa có 4 quả cam và 1 quả táo. Không nhìn vào đĩa, Linh lấy 2 quả. Khả năng xảy ra là:

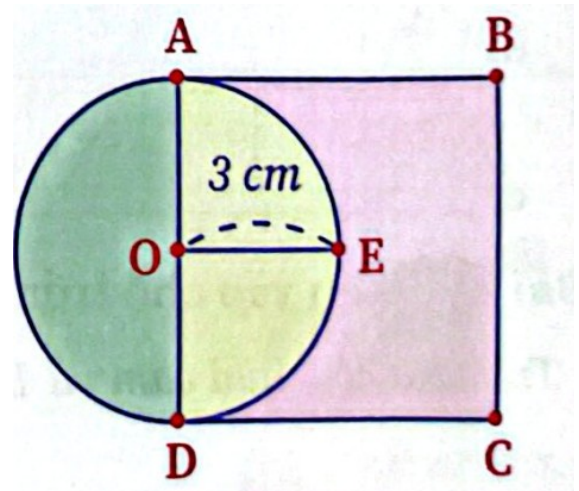
- Linh ..... lấy được 2 quả cam.
- Linh ..... lấy được 2 quả táo.
- Linh ..... lấy được 1 quả cam và 1 quả táo.
- Linh ..... lấy được 1 quả cam.

**Bài 22.** Trong hũ có 4 cái kẹo, trong đó có 2 cái kẹo màu đỏ, 1 cái kẹo màu vàng và 1 cái kẹo màu xanh. Na nhắm mắt và lấy 2 cái kẹo bất kì trong hũ. Hỏi các sự kiện có thể xảy ra là gì?

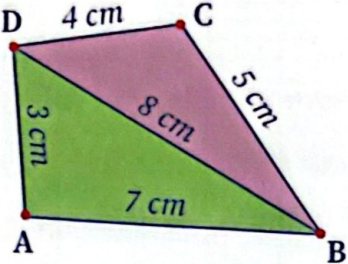
#### 4. Hình học.

**Bài 23.** Điền vào chỗ trống cho thích hợp.

- Hình tròn tâm O có các bán kính là .....
- Ba điểm thẳng hàng là .....
- Hình bên có ..... góc vuông.
- Hình tròn tâm O có đường kính dài ..... cm.
- Diện tích của hình vuông ABCD là .....  $\text{cm}^2$ .



**Bài 24.** Điền vào chỗ trống cho thích hợp.

- 

Chu vi hình tam giác ABD là ..... cm.

Chu vi hình tam giác BCD là ..... cm.

Chu vi tứ giác ABCD là ..... cm.

#### 5. Bài toán có lời văn.

**Bài 25.** Một tấm thẻ nhựa hình chữ nhật có chiều dài bằng 9 cm và chiều rộng bằng 6 cm. Tính diện tích của tấm thẻ nhựa đó.

**Bài 26.** Bề mặt một hộp đựng quà có dạng hình vuông với chu vi bằng 28 cm. Hỏi diện tích bề mặt của hộp đựng quà đó là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

**Bài 27.** Một khu đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng 17 m, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi của khu đất đó.

**Bài 28.** Mẹ cho 1 túi đựng hết 34 000 đồng và 1 gói hạt nêm hết 37 000 đồng. Mẹ đưa cô bán hàng một tờ tiền và được trả lại 9 000 đồng. Hỏi mẹ đã đưa cô bán hàng tờ tiền mệnh giá bao nhiêu?

**Bài 29.** Một trường tiểu học tổ chức cho giáo viên và học sinh đi tham quan. Lúc đầu, trường chỉ thuê 7 chiếc ô tô loại 45 chỗ là vừa đủ chỗ ngồi. Sau đó, trường thuê thêm 1 chiếc xe nữa và có thêm 36 người. Hỏi lúc sau trường tiểu học đó có bao nhiêu người tham gia?

**Bài 30.** Hôm qua, một lít xăng có giá 20 518 đồng. Hôm nay, giá của mỗi lít xăng giảm 715 đồng so với ngày hôm qua. Mẹ đổ 4 lít xăng và trả người bán hàng số tiền đã được làm tròn đến hàng nghìn. Hỏi hôm nay mẹ trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

**Bài 31.** Gia đình My tổ chức tiệc cưới cho chị gái nên đã đặt 45 bàn tiệc tại một nhà hàng, mỗi bàn tiệc sẽ có 8 khách ngồi. Hiện tại, 36 bàn tiệc đã có khách đến ngồi đông đủ. Hỏi còn bao nhiêu khách chưa đến?

**Bài 32.** Để đến thị trấn, cô My phải đi qua một đoạn đường núi và một đoạn đường nhựa. Đoạn đường núi dài 8 500 m và dài hơn đoạn đường nhựa 3 200 m. Hỏi để đến thị trấn, cô My phải đi quãng đường dài bao nhiêu mét?

**Bài 33.** Mẹ đưa cho An 4 tờ tiền 20 000 đồng và nhờ An mua một chai nước mắm. Biết chai nước mắm có giá 54 000 đồng. Hỏi An còn thừa bao nhiêu tiền?

**Bài 34.** Nhà của Vũ cách trường 1 500 m. Hằng ngày đi học, Vũ đạp xe từ nhà đến trường rồi lại đi từ trường về nhà. Biết một tuần Vũ đi học 5 ngày. Hỏi trong một tuần đi học, Vũ phải đạp xe đi bao nhiêu mét?

### Môn học: Tiếng Việt

## II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

**Câu 1.** Em hãy điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong những câu sau:

- Ếch con ngoan ngoãn chăm chỉ và thông minh.
- Ông bố và chú của em đều là thợ mỏ.
- Các bạn mới được kết nạp vào Đội đều là con ngoan trò giỏi.
- Lan thích chơi đồ chơi vẽ tranh đọc sách và giúp mẹ làm việc nhà.

**Câu 5.** Gạch chân dưới từ có nghĩa giống với từ in đậm trong đoạn văn sau:

**Đất nước** là phần lãnh thổ được dân tộc làm chủ và sinh sống trên đó. Từ bao đời nay, các anh hùng, người lính Việt Nam luôn sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết bảo vệ giang sơn của mình. Các nhà văn, nhà thơ cũng nhiều lần truyền tải về lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm gìn giữ non sông, bảo vệ Tổ quốc trong những tác phẩm của mình.

(Trích “Lãnh thổ Việt Nam” - Uyên Ly)

**Câu 2.** Em hãy nối hai vế với nhau để tạo thành một câu hoàn chỉnh:

|                             |
|-----------------------------|
| Đàn trâu thung thăng gặm cỏ |
| Chim họa mi hót líu lo      |
| Học sinh chơi đuổi bắt      |
| Chúng em đọc sách           |

|                   |
|-------------------|
| trên cành cây.    |
| trong sân trường. |
| trên cánh đồng.   |
| trong thư viện.   |

**Câu 3.** Em hãy đánh dấu X vào những bức tranh bạn nhỏ có thái độ đúng trong giao tiếp:



**Câu 4. Đánh dấu ✓ vào những từ ngữ có nghĩa giống với từ “hạnh phúc”:**

vui vẻ ☐ chăm chỉ ☐ vui mừng ☐ hân hoan ☐  
 phấn khởi ☐ muộn phiền ☐ siêng năng ☐ tập trung ☐

**Câu 6. Em hãy cho biết những câu sau thuộc kiểu câu nào?**

- a) Bố ơi, nước thì có hình gì bố nhỉ? → .....  
 b) Mọi người đừng cãi nhau nữa! → .....  
 c) Màn đêm đã buông xuống. → .....

**Câu 7. Em hãy đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong những câu sau:**

- a) Tuấn và Minh chơi đá cầu ở công viên.  
 .....  
 b) Trong năm học lớp 3, chúng em sẽ được kết nạp Đội viên.  
 .....

**Câu 8. Em hãy điền dấu ngoặc kép vào vị trí thích hợp trong đoạn văn sau:**

Gần trưa, cả gia đình Mai về đến nhà ông bà ngoại. Mai vui mừng reo lên: Con chào ông bà ạ. Con nhớ ông bà lắm! Ông bà nhìn thấy cháu, mỉm cười, âu yếm ôm bé Mai vào lòng: Ông bà cũng nhớ cháu lắm!

(Trích “Ông bà của em” - Giang Anh)

**Câu 9. Em hãy viết lại các câu văn sau sao cho sinh động bằng cách sử dụng các hình ảnh so sánh:**

- a) Tiếng ve kêu râm ran giữa trưa hè oi ả.  
 .....  
 b) Những hạt mưa rơi làm ngập cả một con đường.  
 .....

**Câu 10. Khoanh vào từ thích hợp trong ngoặc để câu văn có hình ảnh so sánh:**

- a) Sương sớm long lanh như (những hạt ngọc / làn mưa / hạt cát).  
 b) Mặt trời đỏ như (hòn than / hòn lửa / bếp lửa).

**Câu 11. Em hãy đặt câu cảm phù hợp với hai bức tranh sau:**  
 .....



.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 12. Em hãy gạch chân dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?”:**

- a) Để đạt được điểm cao trong kì thi, Hà đã cố gắng ôn luyện thật kĩ.
- b) Chúng ta tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe.
- c) Em bọc sách vở để giữ gìn chúng được lâu hơn.
- d) Lan trông em để mẹ nấu cơm.

**Câu 13. Em hãy nêu tác dụng của dấu hai chấm trong câu sau:**

*Nam khoanh tay cúi chào ông Sáu: người thầy cũ của cậu.*

Tác dụng của dấu hai chấm: .....

**Câu 14. Em hãy đánh dấu ✓ vào đúng trước câu khiến:**

- ☐ Gió thổi mạnh quá!
- ☐ Cậu ấy thật là giỏi quá đi!
- ☐ Ôi, quyển sách này hay quá!
- ☐ Con hãy khóa cửa cẩn thận nhé!
- ☐ Trời hôm nay rất lạnh, con hãy mặc áo ấm vào nhé!

**Câu 15. Em hãy nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong câu văn sau:**

*Trong tiết học Tiếng Việt hôm qua, cô giáo đã nhắc chúng tôi rằng: “Các em hãy làm bài tập về nhà đầy đủ nhé!”.*

Tác dụng của dấu ngoặc kép: .....

**Câu 16. Gạch chân dưới từ có nghĩa không giống với các từ trong hai nhóm sau:**

- a) Cẩn cù / siêng năng / chăm chỉ / hiền lành / chịu khó.
- b) Hòa bình / chiến tranh / tự do / độc lập.

**Câu 17. Em hãy đánh dấu ✓ vào đúng trước câu cảm:**

- ☐ Chà, con mèo này bắt chuột giỏi thật!
- ☐ Vườn cây của nhà Minh rất rộng.
- ☐ Cháu giúp ông bà trồng hoa nhé!
- ☐ Rừng cây um tùm quá!

**Câu 18. Em hãy đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm trong các câu sau:**

- a) Bác Hồ đi khắp năm châu bốn bể **để tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc.**

.....  
.....

b) Chúng ta cần chăm chỉ tập luyện thể thao để có một cơ thể khỏe mạnh.

**Câu 19. Em hãy thực hiện theo các yêu cầu dưới đây:**

a) Nối những sự vật có cùng đặc điểm với nhau:

|          |                 |                     |       |
|----------|-----------------|---------------------|-------|
| mặt trời | bạn nhỏ, trẻ em | bầu trời đêm<br>đen | chữ O |
|----------|-----------------|---------------------|-------|

|            |                  |              |              |
|------------|------------------|--------------|--------------|
| lọ mực đen | lòng đỏ trứng gà | quả trứng gà | búp măng non |
|------------|------------------|--------------|--------------|

b) Dựa vào từ ngữ ở mục a, hãy đặt một câu có sử dụng hình ảnh so sánh:

**Câu 20. Em hãy tìm 3 từ có nghĩa giống với những từ sau:**

a) “thênh thang”: .....

b) “trắng phau”: .....

**Câu 22. Hãy nối các câu chứa dấu hai chấm với tác dụng tương ứng của chúng:**

|                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thằng bé này là em trai tôi: nó tên Phúc.                                                       |
| Những món ăn đặc trưng của Việt Nam có thể kể đến: phở, bánh mì, nem nướng, chả giò và cơm tấm. |
| Vườn nhà em trồng rất nhiều loài hoa: hoa hồng, hoa cúc, hoa hướng dương,...                    |
| Nghe tiếng động, mẹ vội chạy ra phòng khách nhưng không kịp: bình hoa đã rơi vỡ.                |

Báo hiệu phân liệt kê.

Báo hiệu phân giải thích cho bộ phận đứng trước.

**Câu 21. Hãy thay thế từ in đậm bằng một từ khác để nghĩa của câu không đổi rồi viết lại câu và gạch chân dưới từ ngữ thay thế đó:**

a) Bọn trẻ lại hò nhau xuống lòng đường.

b) Một bác đứng tuổi vội vã đỡ lấy cụ.

**Câu 23. Em hãy đặt câu hỏi cho các tình huống sau:**

a) Em mượn bạn một cuốn truyện tranh:

b) Em nhờ chị lấy hộ cốc nước:

**Câu 24:** Em hãy điền dấu câu thích hợp vào:

Giờ sinh hoạt, cô giáo thông báo cho cả lớp:

☐ Ngày mai các em nhớ đến trường để dọn vệ sinh nhé!

Cả lớp đồng thanh trả lời:

☐ Vâng ạ!

(Trích “Buổi học cuối cùng” - Hồng Thu)

**Câu 25.** Bộ phận in đậm trong các câu sau trả lời cho câu hỏi nào? Em hãy nối thích hợp:

|                                                         |
|---------------------------------------------------------|
| Hôm ấy, <b>trên thảo nguyên</b> tổ chức một cuộc thi.   |
| <b>Sau thời gian chữa trị</b> , cô gái đã khỏi bệnh.    |
| Lạc đà đi những bước vững vàng <b>trên sa mạc</b> .     |
| <b>Chiều Chủ nhật</b> , tôi được đi tham quan vườn thú. |

Ở đâu?

Khi nào?

**Câu 26.** Em hãy điền dấu ngoặc kép vào vị trí thích hợp trong đoạn văn sau:

Minh hứa với mẹ: Hôm nay, con sẽ học bài thật chăm chỉ. Mẹ dịu dàng khen Minh:  
Con trai của mẹ ngoan lắm!

(Trích “Lời hứa của Minh” - Hồng Thu)

**Câu 27.** Em hãy tìm 2 từ hoặc cụm từ có thể so sánh với các sự vật sau:

a) Mặt trăng: .....

b) Đôi mắt: .....

**Câu 28.** Em hãy gạch chân dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?”:

a) Để Đạt không khóc nữa, Hưng đã nhường đồ chơi cho em.

b) Lan cắt những tàu lá chuối để tối mẹ về gói bánh.

c) Để đi học đúng giờ, Hoa đã chuẩn bị đồ dùng đầy đủ từ tối hôm trước.

d) Chúng ta nên vứt rác đúng nơi quy định để bảo vệ môi trường.

**Câu 29.** Em hãy điền dấu câu thích hợp vào các trong đoạn văn sau:

Ông ☐ tôi rất thích nhạc Trịnh. Cứ mỗi sáng, ông lại ngồi trước ☐n nhà uống trà và thưởng thức những bài nhạc ☐ Diễm Xưa ☐ Hạ Trắng ☐ Mây Hồng, ..... Ô ☐ từng tâm sự với tôi: Khi nghe nhạc Trịnh, ông thấy lòng mình nhẹ hơn cháu ạ. Sáng hôm ấy, tôi đã dậy sớm hơn mọi khi. Tôi chạy ra trước hiên nhà và hào hứng nói với ông

☐ Ông cho cháu nghe nhạc cùng ông nhé!

(Trích “Ông tôi” - Uyên Ly)

**Câu 30.** Sắp xếp các bộ phận của câu có hình ảnh so sánh vào bảng phù hợp:

a) Đôi mắt bé tròn như hai hòn bi ve.

b) Bốn chân của chú voi to như cột đình.

| Sự vật 1 | Đặc điểm so sánh | Từ so sánh | Sự vật 2 |
|----------|------------------|------------|----------|
|          |                  |            |          |
|          |                  |            |          |

**Câu 31. Em hãy nối các câu dưới đây với kiểu câu thích hợp:**

|                              |  |           |
|------------------------------|--|-----------|
| Đừng vứt rác bừa bãi!        |  |           |
| Oa, cậu thật là giỏi!        |  | Câu cảm   |
| Bông hoa đẹp quá!            |  |           |
| Con hãy trông em cho mẹ nhé! |  | Câu khiến |

**Câu 32. Em hãy chuyển những câu sau thành câu khiến:**

a) Để hai tay lên mặt bàn.

.....

b) Hút thuốc nơi công cộng.

.....

**Câu 33. Đánh dấu ✓ trước những câu nêu đúng tác dụng của dấu hai chấm:**

- ☐ Báo hiệu kết thúc một câu kể.
- ☐ Báo hiệu bộ phận đứng trước là lời giải thích.
- ☐ Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là phần liệt kê.
- ☐ Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là phần giải thích.

**Câu 34. Em hãy đặt một câu kể có sử dụng từ “Trái Đất”:**

.....

.....

**Câu 35. Em hãy gạch chân dưới các từ thể hiện ý mong muốn, yêu cầu, đề nghị trong các câu khiến sau:**

- a) Hãy đi học đúng giờ nhé!
- b) Đề nghị mọi người giữ trật tự!
- c) Chúng ta sang cửa hàng bên kia xem đi!
- d) Cậu đừng ra ngoài lúc này, trời đang mưa to lắm!

**Câu 36. Em hãy tìm ba từ có nghĩa giống với những từ sau và điền vào bảng:**

| Từ ngữ     | Từ có nghĩa giống |
|------------|-------------------|
| Chăm chỉ   | .....             |
| Thân thiết | .....             |

**Câu 37. Em hãy đặt câu hỏi cho các trường hợp dưới đây:**

a) Lan chưa làm bài tập về nhà.

b) Em muốn mượn bút của bạn.

**Câu 38. Em hãy khoanh tròn vào từ để hỏi trong những câu văn dưới đây:**

a) Sao bầu trời âm u thế nhỉ?

b) Các bạn đang làm gì vậy?

**Câu 39. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu văn dưới đây:**

a) Trong vườn hoa hồng hoa cúc hoa thủy tiên đua nhau nở.

b) Cô giáo nhắc nhở chúng em phải chăm học chăm làm biết giúp đỡ bố mẹ.

**Câu 40. Em hãy đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong những câu sau:**

a) **Tháng Sáu**, hoa phượng nở đỏ rực rỡ gọi hè về.

b) Chúng em có buổi dã ngoại **trong rừng**.

**Câu 41. Đánh dấu ✓ trước câu văn chứa bộ phận trả lời câu hỏi “Khi nào?”:**

- ☐ Bố em tan ca khi trời vừa sáng.
- ☐ Ở bên kia sông, một nhà máy mới đang được xây dựng.
- ☐ Khi mặt trời xuống núi, màn đêm sẽ buông xuống.
- ☐ Mùa thu, bầu trời trong xanh không một gợn mây.
- ☐ Bọn trẻ xóm em hay thả diều ở ngoài chân đồi.

**Câu 42. Em hãy đặt câu cảm dựa vào các hình ảnh sau:**

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 43. Em hãy viết lại câu văn dưới đây bằng cách sử dụng dấu ngoặc kép:**

Trong giờ học môn Tự nhiên và Xã hội, cô hỏi Hương:

- Tại sao lá cây lại có màu xanh?

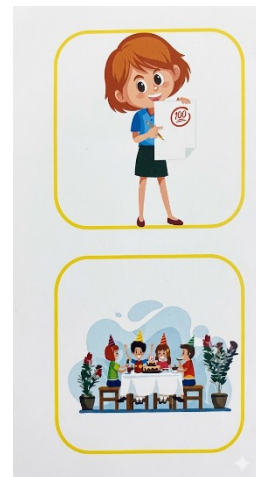
.....

.....

**Câu 44. Em hãy nối các câu kể sau với tác dụng của nó:**

Chú mèo có bộ lông màu vàng.

Dùng để giới thiệu.



|                               |
|-------------------------------|
| Nhà mình có nuôi một chú mèo. |
| Đây là chú mèo nhà mình.      |
| Con hãy trông em cho mẹ nhé!  |

|             |
|-------------|
| Dùng để kể. |
| Dùng để tả. |

## II. TẬP LÀM VĂN:

**Đề 1. Em hãy viết đoạn văn kể về một hoạt động ngoài trời mà em được chứng kiến hoặc tham gia:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về hoạt động mà em được chứng kiến hoặc tham gia.
- Kể về trình tự diễn ra hoạt động (đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng).
- Nêu suy nghĩ của em về hoạt động đó.

**Đề 2. Em hãy quan sát một bức tranh, viết đoạn văn kể lại hoạt động của các bạn nhỏ trong bức tranh đó:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu hoạt động của các bạn nhỏ trong bức tranh.
- Kể các hoạt động diễn ra trong tranh.
- Nêu kết quả của hoạt động đó.
- Nêu suy nghĩ, nhận xét của em về hoạt động đó.

**Đề 3. Em hãy quan sát bức tranh và nêu tình cảm, cảm xúc của em về cảnh vật trong tranh:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu bao quát cảnh vật trong bức tranh.
- Tả những đặc điểm nổi bật của cảnh vật trong bức tranh đó.
- Nêu tình cảm, cảm xúc của em trước vẻ đẹp, vai trò của cảnh vật đó.
- Nêu tình cảm, cảm xúc của em khi nghĩ đến người làm nên cảnh vật đó.

**Đề 4. Em hãy viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh vật em yêu thích:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về cảnh vật đó (tên cảnh vật, ở đâu,...).
- Nêu đặc điểm nổi bật của cảnh vật đó.
- Nêu điều khiến em ấn tượng (yêu thích) nhất.
- Nêu cảm xúc của em về cảnh vật đó.

**Đề 5. Em hãy viết đoạn văn nêu lí do vì sao em thích (hoặc không thích) một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về nhân vật em thích (không thích).
- Nêu lí do em thích (không thích) nhân vật đó.
- Nêu những chi tiết thể hiện lí do đó.
- Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật đó.

**Đề 6. Em hãy viết một đoạn văn về ước mơ của em:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về ước mơ của em.
- Nêu lí do em lại có ước mơ đó.
- Nêu cảm nghĩ của em khi ước mơ trở thành sự thật.
- Nêu những điều em sẽ làm để thực hiện ước mơ đó.

**Đề 7. Em hãy viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh vật trong câu chuyện, bài văn, bài thơ đã đọc:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về cảnh vật em muốn tả.
- Nêu cách tác giả miêu tả cảnh vật đó.
- Nêu cảm nhận của em về cảnh vật.

**Đề 8. Em hãy viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về cảnh vật quê hương:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu cảnh vật mà em muốn nói đến.
- Tả đặc điểm của cảnh vật đó.
- Nêu ấn tượng của em về cảnh vật đó.
- Nêu cảm nghĩ của em khi ngắm nhìn cảnh vật đó.

**Đề 9. Em hãy viết đoạn văn về một nhân vật yêu thích trong câu chuyện em đã được nghe kể:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về nhân vật em yêu thích.
- Tả những đặc điểm của nhân vật đó.
- Nêu điều em thích ở nhân vật đó.
- Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật đó.

**Đề 10. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh đẹp của đất nước:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về cảnh đẹp mà em muốn nói đến.
- Tả những đặc điểm nổi bật của cảnh đẹp đó.
- Nêu cảm nghĩ của em về cảnh đẹp đó.

**Đề 11. Em hãy viết đoạn văn về một nhân vật em yêu thích trong câu chuyện đã đọc, đã nghe:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu nhân vật mà em yêu thích.
- Nêu những điều em thích ở nhân vật đó.
- Nêu suy nghĩ của em về nhân vật đó.
- Nêu điều em đã học hỏi được từ nhân vật.

**Đề 12. Em hãy viết đoạn văn kể lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường mà em đã tham gia hoặc chứng kiến:**

**Gợi ý:**

- Giới thiệu về việc làm mà em muốn kể.
- Kể về diễn biến của việc làm đó.
- Nêu kết quả của việc làm đó.
- Nêu cảm xúc của em và mọi người khi thực hiện việc đó.

### **Môn học: Công nghệ**

## **I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

**Câu 1. Việc làm nào an toàn khi sử dụng dụng cụ thủ công?**

- A. Sử dụng kéo để cắt que gỗ.
- B. Không tập trung khi cắt nguyên liệu làm thủ công.
- C. Dùng dụng cụ cầm vừa tay, phù hợp với vật liệu.
- D. Không cất gọn dụng cụ sắc nhọn sau khi sử dụng.

**Câu 2. Khi em sử dụng thiết bị điện mà ổ cắm bị hỏng, em cần làm gì?**

- A. Tự động ngắt nguồn điện.
- B. Nhờ người lớn kiểm tra giúp.
- C. Tự sửa chữa.
- D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 3. Đâu không phải đồ dùng học tập?**

- A. Bút chì.
- B. Thước kẻ.
- C. Hộp bút.
- D. Lá cây.

**Câu 4. Đâu không phải là yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm xe đồ chơi?**

- A. Đúng kích thước.
- B. Chắc chắn.
- C. Bánh xe chuyển động được.
- D. Trang trí đẹp.

**Câu 6. Xe đồ chơi gồm những bộ phận nào?**

- A. Thân xe, trục bánh xe, bánh xe.
- B. Gương xe, bánh xe, phanh xe.
- C. Thân xe, bánh xe, gương xe.
- D. Động cơ, bánh xe, tay cầm.

**Câu 5. Biển báo nào sau đây là biển báo nguy hiểm?**

- A. Biển báo đi chậm.
- B. Biển báo cấm đi ngược chiều.
- C. Biển báo giao nhau với đường sắt có rào chắn.
- D. Biển báo vị trí người đi bộ sang ngang.



**Câu 7. Có những kiểu dùng kéo cắt tạo hình nào?**

- A. Cắt theo đường thẳng.
- B. Cắt theo đường cong.
- C. Cắt thành các đoạn khác nhau.
- D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 8. Khi chọn vật liệu làm thủ công, cần chọn loại vật liệu có tính chất như thế nào?**

- A. Phù hợp, an toàn.
- B. Không độc hại.
- C. Tận dụng vật liệu tái chế.
- D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 9. Đâu không phải cách tạo hình cơ bản với vật liệu thủ công?**

- A. Dùng tay tạo hình.
- B. Dùng kéo cắt tạo hình.
- C. Dùng chân tạo hình.
- D. Dùng vật liệu hỗ trợ dán, dính.

**Câu 10. Đâu là nơi sản xuất các chương trình truyền hình?**

- A. Bệnh viện.
- B. Đài truyền hình.
- C. Đài phát thanh.
- D. Văn phòng.

**Câu 11. Khi xảy ra hỏa hoạn, em cần làm gì?**

- A. Gọi điện đến số điện thoại 115.
- B. Lấy bông, băng gòn để băng bó vết chảy máu.
- C. Khi có khói, lấy khăn che miệng, mũi và cúi khom người di chuyển ra khỏi phòng.
- D. Không làm gì cả, chờ người lớn tới cứu.

**Câu 12. Đồ dùng học tập là gì?**

- A. Là những vật dụng hỗ trợ cần thiết đối với hoạt động học tập của học sinh.
- B. Là những vật dụng dùng trong các môn thể thao.
- C. Là những vật dụng để dọn vệ sinh môi trường.
- D. Là những vật dụng để trưng bày trong bảo tàng.

**Câu 13. Tình huống nào có thể gây điện giật?**

- A. Để tay lên chỗ xì hơi của nồi áp suất.
- B. Vớ tay lấy ấm nước nóng ở trên cao.
- C. Chọc đũa vào ổ điện.
- D. Để lửa gần bình ga.

**Câu 14. Đâu không phải là yêu cầu sản phẩm của một chiếc thước kẻ?**

- A. Thước cong.
- B. Đúng kích thước.
- C. Chắc chắn.
- D. Vạch số chia đều nhau.

**Câu 15. Đồ dùng học tập có công dụng gì trong cuộc sống?**

- A. Hỗ trợ cho học sinh thuận tiện hơn trong quá trình học tập.
- B. Giúp cho việc tiếp thu kiến thức mới trở nên hiệu quả hơn.
- C. Giúp học sinh ghi lại thông tin, kiến thức quan trọng.
- D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 16. Vì sao cần phải lựa chọn, sử dụng dụng cụ và vật liệu an toàn khi làm sản phẩm thủ công?**

- A. Vì để tránh gây thương tích.
- B. Vì để đảm bảo an toàn.
- C. Vì sẽ gây nguy hiểm.
- D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 17. Sử dụng sản phẩm không đúng cách sẽ có ảnh hưởng gì?**

- A. Gây hại cho sản phẩm và ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người.
- B. Ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người.
- C. Gây hại cho sản phẩm.
- D. Không ảnh hưởng gì.

**Câu 18. Bước 2 của quá trình làm thước kẻ bằng giấy là gì?**

- A. Tạo khung của thước.
- B. Tạo hình của thước.
- C. Chia vạch trên thước.
- D. Hoàn thiện sản phẩm.

**Câu 19. Biển báo cấm người đi bộ có hình gì?**

- A. Hình chữ nhật.
- B. Hình tròn.
- C. Hình vuông.
- D. Hình tam giác.

**Câu 20. Đâu là hành vi an toàn khi sử dụng thiết bị điện?**

- A. Cắm nhiều đồ dùng điện cùng một lúc vào ổ cắm.
- B. Dùng điện thoại di động trong điều kiện thiếu ánh sáng.
- C. Đóng tủ lạnh ngay sau khi lấy đồ.
- D. Ngồi gần sát ti vi.

**Câu 21. Biển báo giao thông trong hình bên có ý nghĩa như thế nào?**

- A. Biển báo cấm các phương tiện thô sơ đi trên tuyến đường này.
- B. Cấm các phương tiện giao thông đi vào đường ngược chiều so với hướng giao thông được quy định.
- C. Cho phép các phương tiện giao thông đi vào tuyến đường này.
- D. Cấm các phương tiện giao thông dừng đỗ tại vị trí.



**Câu 22. Dụng cụ nào được sử dụng trong bước một làm biển báo giao thông?**

- A. Kéo, com pa.
- B. Bút màu.
- C. Thước kẻ.
- D. Bút chì.

**Câu 23. Thông điệp 4Đ không có điều nào?**

- A. Đúng lúc.
- B. Đúng chỗ.
- C. Đúng người.
- D. Đúng cách.

**Câu 24. Cần mấy bước để làm biển báo giao thông?**

- A. 3 bước.                      B. 2 bước.                      C. 4 bước.                      D. 5 bước.

**Câu 25. Đâu không phải lưu ý khi làm thước kẻ?**

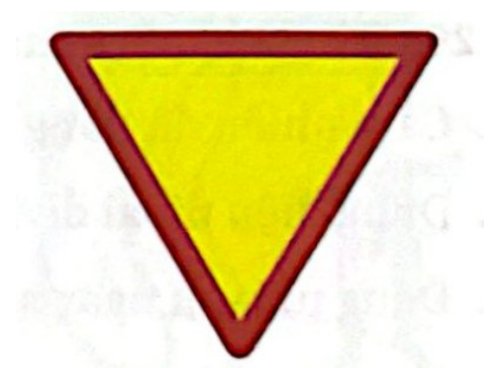
- A. Kích thước, cách cắt, dán đúng cách.  
B. Cắt, dán theo sở thích, không theo một số liệu kỹ thuật nào.  
C. Đảm bảo an toàn khi cắt, dán.  
D. Sau khi hoàn thành công việc, cắt gọn các dụng cụ và vật liệu.

**Câu 26. Vì sao khi làm thước kẻ phải chú ý vạch chia số đều nhau?**

- A. Không cần chú ý.  
B. Vì khi sử dụng cần các vạch số đều nhau để thuận tiện đo.  
C. Vì như thế mới đẹp.  
D. Vì vạch không đều nhau nhìn vướng mắt.

**Câu 27. Biển báo giao thông trong hình có tên gì?**

- A. Giao nhau với đường ưu tiên.  
B. Giao nhau với đường sắt có rào chắn.  
C. Đường giao nhau.  
D. Giao nhau chạy theo vòng xuyên.



**Câu 28. Đâu không phải là yêu cầu kỹ thuật của một sản phẩm biển báo?**

- A. Đúng kích thước.                      B. Đúng màu sắc.  
C. Lông lẻo.                      D. Cân đối.

**Câu 29. Sau khi làm xong sản phẩm đồ dùng học tập, em cần làm gì?**

- A. Không cần làm gì.                      B. Dọn dẹp sạch sẽ.  
C. Để đó cho người khác dọn.                      D. Ném rác lung tung.

**Câu 30. Đồ chơi là gì?**

- A. Là đồ gia dụng hằng ngày.  
B. Là đồ vật dùng để chơi, đặc biệt là dành cho trẻ em.  
C. Là đồ dùng chuyên dụng cho các môn thể thao.  
D. Là đồ đựng quần áo, giày dép.

**Câu 31. Đâu không phải là đồ chơi?**

- A. Cờ vua.                      B. Búp bê.                      C. Gấu bông.                      D. Hộp bút.

**Câu 32. Đâu không phải vật liệu làm biển báo giao thông?**

- A. Dây chun.                      B. Giấy màu.                      C. Que gỗ.                      D. Đất nặn.

**Câu 33. Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về bước làm bánh xe và trục bánh xe của xe đồ chơi?**

- A. Lắp bánh xe vào trục bánh xe.
- B. Dùng com pa tạo lỗ ở giữa bánh xe.
- C. Luồn que tre vào ống hút để tạo thành trục bánh xe.
- D. Dùng kẹp để cố định gắn trục bánh xe vào thân xe.

**Câu 34. Vì sao phải chọn kéo có thiết kế nhỏ gọn, nhẹ và vừa tay cầm?**

- A. Dễ dàng sử dụng.
- B. Đảm bảo an toàn khi sử dụng.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Không có đáp án nào đúng.

**Câu 35. Để tính chi phí làm đồ chơi thì cần trải qua mấy bước?**

- A. 2 bước.
- B. 3 bước.
- C. 4 bước.
- D. 5 bước.

**Câu 36. Tình huống nào có thể gây bỏng?**

- A. Chơi đùa gần lửa.
- B. Với tay lấy phích nước nóng để ở trên cao.
- C. Để bàn là đang nóng ở gần người.
- D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 37. Biển báo giao thông có tác dụng gì?**

- A. Cung cấp thông tin đến người tham gia giao thông.
- B. Mang đến cho mọi người niềm vui, giải trí.
- C. Giúp người đi đường có chỗ nghỉ ngơi.
- D. Gây bất tiện cho người tham gia giao thông.

**Câu 38. Ý nghĩa của thông điệp 4Đ là gì?**

- A. Không có ý nghĩa gì.
- B. Để đảm bảo an toàn khi chơi đồ chơi.
- C. Để cho phong phú thêm quy định khi chơi đồ chơi.
- D. Không có đáp án nào đúng.

**Câu 39. Đồ chơi khi chơi xong thì cần phải làm gì?**

- A. Cất gọn gàng.
- B. Để tại chỗ chơi.
- C. Ném lung tung khắp nơi.
- D. Giấu đi không cho ai biết.

**Câu 40. Việc làm an toàn khi sử dụng đồ điện trong gia đình:**

- A. Tiếp tục sử dụng dây điện bị hư để tiết kiệm tiền.
- B. Tự mình xử lý khi gặp các tình huống gây mất an toàn mà không cần đến sự hỗ trợ của người lớn.
- C. Tiếp tục bật các thiết bị điện khi đi ra ngoài.
- D. Vệ sinh đồ dùng điện đúng cách.

## **II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Bài 1. Chọn từ cho sẵn để điền vào chỗ trống cho phù hợp.**

a. (an toàn, nhọn, tập trung)

Chọn dụng cụ vừa với tay cầm, hạn chế có đầu sắc, ..... Khi sử dụng dụng cụ, không đùa nghịch để tránh bị thương. Cất dụng cụ vào hộp hoặc bao đựng và để ở nơi ..... khi không sử dụng.

b. (gây hại sức khỏe)

Nếu sử dụng sản phẩm công nghệ không đúng cách có thể ..... cho sản phẩm và ảnh hưởng đến ....., tính mạng con người.

c. (bảo quản đa dạng, tác dụng)

Đồ dùng học tập rất ....., phong phú, có những ..... khác nhau. Em cần chú ý ..... và sắp xếp đồ dùng học tập gọn gàng.

**Bài 2. Đánh dấu X vào những hành động an toàn ở môi trường công nghệ trong gia đình.**

- |                                                                 |                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Chơi đùa ở khu vực bếp đang đun nấu.   | <input type="checkbox"/> Dùng dây điện buộc lại hờ vỏ bọc.           |
| <input type="checkbox"/> Giữ khoảng cách an toàn khi xem ti vi. | <input type="checkbox"/> Cắm phích điện khi tay khô ráo.             |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng điện thoại khi đang sạc pin.   | <input type="checkbox"/> Rút phích cắm điện bằng cách kéo dây nguồn. |

**Bài 3. Nối tình huống với cách xử lý tương ứng.**

|                        |
|------------------------|
| Bong                   |
| Cháy/khói              |
| Điện giật              |
| Cắt/đâm (vật sắc nhọn) |

|                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------------|
| Ngắt các nguồn điện.                                                            |
| Rửa vết bỏng bằng nước nguội sạch.                                              |
| Gọi điện đến số điện thoại 114.                                                 |
| Lấy bông, băng gạc để băng vết bỏng.                                            |
| Lấy bông, băng gòn để băng bó vết chảy máu.                                     |
| Khi có khói, lấy khăn che miệng, mũi và cúi khom người di chuyển ra khỏi phòng. |
| Gọi điện đến số điện thoại 114.                                                 |

**Bài 4. Cho các tình huống:**

- |                                              |                                     |
|----------------------------------------------|-------------------------------------|
| a. Chơi đùa gần lửa.                         | b. Dùng tay ướt để cầm điện.        |
| c. Nghịch bật lửa.                           | d. Để bàn là đang nóng ở gần người. |
| e. Chọc đồ vật vào ổ điện.                   |                                     |
| g. Chạm vào dây điện bị hở khi đang có điện. |                                     |
| h. Với tay lấy phích nước nóng ở trên cao.   |                                     |

Em hãy lựa chọn và sắp xếp các tình huống để hoàn thành bảng sau:

|                     |                          |
|---------------------|--------------------------|
| Tình huống gây bỏng | Tình huống gây điện giật |
|---------------------|--------------------------|

|       |       |
|-------|-------|
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |
| ..... | ..... |

**Bài 5. Thông điệp 4Đ là gì? Thực hiện thông điệp 4Đ nhằm đảm bảo điều gì?**

.....

.....

.....

**Bài 6. Biển báo giao thông có tác dụng gì đối với người tham gia giao thông? Hãy kể tên một số biển báo giao thông mà em biết.**

.....

.....

.....

**Bài 7. Em hãy nêu cách xử lý nếu gặp tình huống gây bỏng.**

.....

.....

.....

**Bài 8. Sau khi sử dụng xong dụng cụ và vật liệu thủ công, Bình không cất gọn vào mà chạy đi chơi với bạn. Theo em, Bình làm vậy là đúng hay sai? Vì sao? Nếu em là bạn của Bình, em sẽ khuyên Bình như thế nào?**

.....

.....

.....

.....

**Bài 9. Trong tình huống người xung quanh em bị đâm hoặc cắt bởi một vật sắc nhọn, em cần làm gì để giúp họ?**

.....

.....

.....

**Bài 10. Em hãy nêu các bước làm thước kẻ.**

.....

.....

.....

.....

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO****I. Đáp án trắc nghiệm**

| Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án | Câu | Đáp án |
|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|
| 1   | C      | 11  | D      | 21  | D      | 31  | D      |
| 2   | B      | 12  | B      | 22  | B      | 32  | D      |
| 3   | D      | 13  | A      | 23  | A      | 33  | C      |
| 4   | C      | 14  | B      | 24  | C      | 34  | D      |
| 5   | B      | 15  | D      | 25  | B      | 35  | C      |
| 6   | A      | 16  | A      | 26  | A      | 36  | C      |
| 7   | B      | 17  | C      | 27  | D      | 37  | A      |
| 8   | A      | 18  | D      | 28  | C      | 38  | ?      |
| 9   | C      | 19  | D      | 29  | A      | 39  | D      |
| 10  | A      | 20  | C      | 30  | A      | 40  | A      |

**II. Đáp án tự luận****Bài 1. Hoàn thành bảng**

| Nội dung cần điền                    | Đáp án                                         |
|--------------------------------------|------------------------------------------------|
| Mười hai nghìn hai trăm ba mươi bảy  | <b>12 237</b>                                  |
| 73 685                               | <b>Bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm</b> |
| Bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi | <b>47 280</b>                                  |
| 84 367                               | <b>Tám mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi bảy</b>  |

**Bài 2. Viết thành tổng**

| Số     | Đáp án                               |
|--------|--------------------------------------|
| 2 873  | <b>2 000 + 800 + 70 + 3</b>          |
| 8 728  | <b>8 000 + 700 + 20 + 8</b>          |
| 33 419 | <b>30 000 + 3 000 + 400 + 10 + 9</b> |
| 99 886 | <b>90 000 + 9 000 + 800 + 80 + 6</b> |

**Bài 3. Tính nhẩm**

| Ý | Đáp án | Ý | Đáp án |
|---|--------|---|--------|
| a | 80 000 | e | 50 000 |
| b | 90 000 | g | 40 000 |
| c | 20 000 | h | 40 000 |
| d | 14 000 | i | 5 000  |

#### Bài 4. Đặt tính rồi tính

| Phép tính           | Đáp án |
|---------------------|--------|
| $3\,168 + 523$      | 3 691  |
| $45\,246 + 3\,252$  | 48 498 |
| $76\,324 - 65\,116$ | 11 208 |
| $89\,719 - 18\,712$ | 71 007 |
| $3\,445 \times 6$   | 20 670 |
| $95\,103 : 9$       | 10 567 |
| $62\,550 : 6$       | 10 425 |
| $12\,434 \times 4$  | 49 736 |

#### Bài 5. Số?

| Ý | Đáp án |
|---|--------|
| a | 6 074  |
| b | 7 035  |
| c | 9 031  |
| d | 14 721 |

#### Bài 6. Sắp xếp

| Ý                | Đáp án                               |
|------------------|--------------------------------------|
| a. Từ lớn đến bé | 51 231; 34 516; 15 384; 6 524; 5 734 |
| b. Từ bé đến lớn | 2 888; 9 299; 12 342; 33 013; 38 289 |

#### Bài 7. Điền chỗ trống

| Ý | Đáp án |
|---|--------|
| a | 98 999 |
| b | 9 000  |
| c | 22 281 |
| d | 79 000 |
| e | 49 960 |

#### Bài 8. Điền chỗ trống

| Ý | Đáp án                     |
|---|----------------------------|
| a | <b>98 765</b>              |
| b | <b>10 234</b>              |
| c | <b>10 001</b>              |
| d | <b>99 998</b>              |
| e | <b>II, V, VII, IX, XII</b> |

### Bài 9. Tính giá trị biểu thức

| Biểu thức                   | Đáp án        |
|-----------------------------|---------------|
| $(7\,550 - 450) \times 6$   | <b>42 600</b> |
| $34\,352 + 6\,314 \times 5$ | <b>65 922</b> |
| $35\,469 : 3 + 50\,903$     | <b>62 726</b> |
| $76\,034 - 62\,440 : 4$     | <b>60 424</b> |

## 2. Đo lường

### Bài 10. Hoàn thành bảng

| Nội dung cần điền                        | Đáp án                                              |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Một trăm hai mươi xăng-ti-mét vuông      | <b>120 cm<sup>2</sup></b>                           |
| 3 450 cm <sup>2</sup>                    | <b>Ba nghìn bốn trăm năm mươi xăng-ti-mét vuông</b> |
| Bốn mươi nghìn ba trăm xăng-ti-mét vuông | <b>40 300 cm<sup>2</sup></b>                        |

### Bài 11. Số?

| Ý                     | Đáp án           |
|-----------------------|------------------|
| a. 14 m = ... dm      | <b>140 dm</b>    |
| b. 45 000 ml = ... l  | <b>45 l</b>      |
| c. 54 m = ... mm      | <b>54 000 mm</b> |
| d. 80 000 cm = ... m  | <b>800 m</b>     |
| e. 91 000 g = ... kg  | <b>91 kg</b>     |
| g. 75 000 mm = ... dm | <b>750 dm</b>    |

### Bài 12. Điền chỗ trống

| Ý | Đáp án          |
|---|-----------------|
| a | <b>1 270 g</b>  |
| b | <b>9 240 ml</b> |

| Ý | Đáp án    |
|---|-----------|
| c | 41 041 m  |
| d | 11 223 kg |
| e | 18 464 l  |
| g | 16 050 mm |

**Bài 13.** > ; < ; = ?

| Ý | Đáp án |
|---|--------|
| a | >      |
| b | =      |
| c | <      |
| d | <      |

**Bài 14.** Tính

| Ý | Đáp án              |
|---|---------------------|
| a | 59 cm <sup>2</sup>  |
| b | 180 cm <sup>2</sup> |
| c | 111 cm <sup>2</sup> |
| d | 63 cm <sup>2</sup>  |

**Bài 15.** Số?

| Ý | Đáp án        |
|---|---------------|
| a | 6 giờ 55 phút |
| b | 55 phút       |
| c | 8 giờ 40 phút |

**Bài 16.** Điền chỗ trống

| Ý | Đáp án                      |
|---|-----------------------------|
| a | Tháng 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12 |
| b | Ngày 7 tháng 5              |
| c | 7 ngày                      |

**Bài 17.** Điền chỗ trống

| Ý | Đáp án      |
|---|-------------|
| a | 50 000 đồng |
| b | 6 000 đồng  |

**3. Thống kê và xác suất**

**Bài 18**

| Ý | Đáp án |
|---|--------|
| a | Ngày 4 |
| b | Ngày 3 |
| c | 9 kg   |

**Bài 19**

| Ý | Đáp án                                                             |
|---|--------------------------------------------------------------------|
| a | 4 loại: truyện tranh, truyện cổ tích, truyện ngắn, truyện ngụ ngôn |
| b | Truyện cổ tích                                                     |
| c | 78 quyển                                                           |

**Bài 20**

| Ý | Đáp án    |
|---|-----------|
| a | Có thể    |
| b | Có thể    |
| c | Không thể |

**Bài 21**

| Ý | Đáp án    |
|---|-----------|
| a | Có thể    |
| b | Không thể |
| c | Có thể    |
| d | Chắc chắn |

**Bài 22**

| Các sự kiện có thể xảy ra                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 kẹo đỏ; 1 kẹo đỏ và 1 kẹo vàng; 1 kẹo đỏ và 1 kẹo xanh; 1 kẹo vàng và 1 kẹo xanh |

**4. Hình học****Bài 23**

| Ý | Đáp án      |
|---|-------------|
| a | OA, OE, OD  |
| b | A, O, D     |
| c | 5 góc vuông |
| d | 6 cm        |

|          |                          |
|----------|--------------------------|
| <b>Ý</b> | <b>Đáp án</b>            |
| <b>e</b> | <b>36 cm<sup>2</sup></b> |

## Bài 24

|          |               |
|----------|---------------|
| <b>Ý</b> | <b>Đáp án</b> |
| <b>a</b> | <b>18 cm</b>  |
| <b>b</b> | <b>17 cm</b>  |
| <b>c</b> | <b>19 cm</b>  |

## 5. Bài toán có lời văn

|            |                          |
|------------|--------------------------|
| <b>Bài</b> | <b>Đáp án</b>            |
| <b>25</b>  | <b>54 cm<sup>2</sup></b> |
| <b>26</b>  | <b>49 cm<sup>2</sup></b> |
| <b>27</b>  | <b>102 m</b>             |
| <b>28</b>  | <b>80 000 đồng</b>       |
| <b>29</b>  | <b>351 người</b>         |
| <b>30</b>  | <b>79 000 đồng</b>       |
| <b>31</b>  | <b>72 khách</b>          |
| <b>32</b>  | <b>13 800 m</b>          |
| <b>33</b>  | <b>26 000 đồng</b>       |
| <b>34</b>  | <b>15 000 m</b>          |